

Bản án số: 412/2024/DS-PT

Ngày: 25 - 9 - 2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thê

Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 và 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp 8, xã A, thành phố C, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị L: Ông Nguyễn Văn Sậy, sinh năm 1988 (hợp đồng ủy quyền ngày 23/9/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị L: Luật sư Trần Dân Quốc – Văn phòng Luật sư Chánh Kiên thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1/ Ông Phạm Quốc H1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khóm 2, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Quốc H1: Luật sư Nguyễn Hữu N2 – Văn phòng Luật sư Ngô Đình Chiến thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau.

2/ Bà Phạm Ngọc N1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp 8, xã A, thành phố C, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Huỳnh Bé B, sinh năm 1990.

2/ Chị Huỳnh Thị Tường V, sinh năm 1993.

3/ Chị Huỳnh Thị Tường H2, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã A, thành phố C, tỉnh C ..

4/ Bà Trần Thị P, sinh năm 1983; địa chỉ: Khóm 2, phường T, thành phố C, tỉnh C ..

Người làm chứng:

1/ Ông Trần Văn X, sinh năm 1963.

2/ Bà Trương Thị Hoa, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh C .

3/ Ông Cao Tấn T;

4/ Ông Phạm Văn A;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã A, thành phố C, tỉnh C ..

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị L, là nguyên đơn; Huỳnh Thị Tường H2, Huỳnh Thị Tường V, Huỳnh Bé B, là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng bà Trần Thị L trình bày:

Bà Trần Thị L có phần đất diện tích 798.2m², theo thửa đất số 1586, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã An Xuyên, thành phố Cà Mau. Nguồn gốc phần đất do cha mẹ tặng cho. Đất do bà L và chồng bà L tên Huỳnh Diệp Em đứng tên quyền sử dụng. Hiện ông Em đã mất. Ông Em và bà L có 03 người con tên Huỳnh Bé B, Huỳnh Thị Tường V, Huỳnh Thị Tường H2.

Ngoài phần đất 798.2m² nói trên, thì bà L còn được cha mẹ cho phần đất liền kề, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc tặng cho phần đất này không có giấy tờ thể hiện, không có đo đạc, xác định vị trí và phần đất này giáp ranh với anh ruột bà L tên Trần Văn Hạ.

Phần đất giáp ranh giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 trụ đá. Năm 2017, nguyên đơn thấy 02 trụ đá này còn, nhưng đến năm 2023, nguyên đơn phát hiện vị trí 02 trụ đá đã bị lệch về phần đất của nguyên đơn. Nguyên đơn chỉ cảm nhận là bị lệch, không thấy ai di dời.

Bà L xác định phần đất của bà không có giáp ranh với Phạm Ngọc N1, nên bà L tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Phạm Ngọc N1, về việc buộc bà N1 trả đất. Chỉ yêu cầu một mình ông Phạm Quốc H1 trả cho bà L phần đất lấn chiếm có diện tích 87,8m², theo Bản trích đo hiện trạng ngày 26/02/2024, của Công ty TNHH Phát triển xanh Việt Nam.

Bị đơn ông Phạm Quốc H1 trình bày:

Ông Phạm Quốc H1 có phần đất tọa lạc tại khóm 2, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau. Nguồn gốc phần đất là do cha ruột ông H1 tên Phạm Văn A nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn X (anh bà L) và tặng cho lại ông H1. Khi mua bán đất, các bên có tiến hành cắm 02 trụ đá để xác định ranh. Vị trí 02 trụ đá này từ lúc cắm là năm 2012 đến nay không thay đổi.

Do không có lần chiếm đất của nguyên đơn, nên bị đơn không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Phạm Ngọc N1 trình bày: Phần đất của bà N1 không có giáp ranh với đất của bà Trần Thị L. Bà N1 không có lần chiếm đất của nguyên đơn, nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án, yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt bà N1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị P (vợ ông H1) trình bày: Vợ chồng bà cùng đứng tên Giấy chứng nhận. Tuy nhiên, bà P không có ý kiến, yêu cầu gì. Bà P để ông H1 quyết định tất cả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Bé B, chị Huỳnh Thị Tường H2 và chị Huỳnh Thị Tường V trình bày: Thống nhất với toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị L về việc buộc vợ chồng ông Phạm Quốc H1 trả lại đất lần chiếm.

Người làm chứng ông Trần Văn X trình bày: Vào năm 2012, ông Trần Văn X có chuyển nhượng cho ông Phạm Văn A phần đất 07 công tầm lớn. Khi chuyển nhượng hai bên có cắm 02 trụ đá. Do thời gian đã lâu, nên ông X không xác định được vị trí 02 trụ đá này từ lúc cắm đến nay có thay đổi vị trí hay không.

Người làm chứng ông Phạm Văn A trình bày: Vào năm 2012, ông Phạm Văn A có nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn X phần đất 07 công tầm lớn. Phần đất này ông A tặng cho lại Phạm Quốc H1, do Hùng là con ruột ông A (phần đất giáp ranh với nguyên đơn Trần Thị L). Khi chuyển nhượng thì ông X, ông A cùng một số người khác tiến hành cắm 02 trụ đá để xác định ranh đất. Hai trụ đá này từ lúc cắm đến nay không thay đổi.

Người làm chứng ông Cao Tấn T trình bày:

Vào năm 2012, ông Phạm Văn A có nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn X phần đất 07 công tầm lớn ở ấp 8, xã An Xuyên, thành phố Cà Mau. Phần đất này ông A tặng cho con ruột Phạm Quốc H1. Để xác định ranh đất, các bên có cắm 02 trụ đá. Vị trí 02 trụ đá này, từ lúc cắm đến nay không thay đổi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Quốc H1 trả lại cho nguyên đơn phần đất có diện tích 87,8m².

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà Phạm Ngọc N1.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn bà Trần Thị L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Bé B, chị Huỳnh Thị Tường V, chị Huỳnh Thị Tường H2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ bản án sơ thẩm số.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà L giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H1 giao trả 87,8m²;

Căn cứ kháng cáo: (1) nguồn gốc của gia đình bà L sử dụng lâu đời, do cha bà L tặng cho bà L và ông X mỗi người được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt Giấy chứng nhận) với chiều ngang 30,70m; phần đất của ông X sang bán cho gia đình ông H1, khi ông H1 làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận thì bà L không biết và không ký giáp ranh, cho nên theo đo đạc thực tế ông H1 lấn đất bà L chiều ngang 2,49m; (2) tại cấp sơ thẩm đo đạc thực tế thiếu chính xác nên diện tích đất bà L thừa so với Giấy chứng nhận.

- Bà Trần Thị L, anh Huỳnh Bé B, chị Huỳnh Thị Tường V, chị Huỳnh Thị Tường H2 trình bày: Đồng ý với ý kiến của Luật sư; yêu cầu đo đạc lại phần đất, vì tại cấp sơ thẩm đo thiếu chính xác, đường lộ trong Giấy chứng nhận ngang 07m, nhưng đo đạc chỉ xác định lộ 2,5m và đồng thời đo qua phần đất phụ âm của ông Hạ, từ đó diện tích đo đạc thực tế thừa so với diện tích Giấy chứng nhận đứng tên Trần Thị L.

Tại phiên tòa ngày 25/9/2024, bà L yêu cầu đất của ông H1 chiều ngang 30,70m, đo đạc thừa bao nhiêu thì trả lại cho bà L.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Ông H1 nhận chuyển nhượng đất từ ông X, sử dụng đúng với diện tích sang nhượng và được cấp Giấy chứng nhận; năm 2012, ông H1 cắm trụ đá xác định ranh, do bà L thường vắng nhà nên không chứng kiến việc cắm trụ, theo bà L xác nhận năm 2017 bà biết ông H1 cắm trụ nhưng không có ý kiến; bà L cho rằng năm 2023, ông H1 di dời trụ đá sang đất bà L nhưng bà L có căn cứ chứng minh ông H1 dời trụ đá; qua đo đạc thực tế, diện tích đất của ông H1 thiếu khoảng 1000m² so với Giấy chứng nhận, bà L cho rằng ông H1 lấn đất là không có căn cứ.

- Bị đơn, ông Phạm Quốc H1 trình bày: Ông không lấn đất của bà L; trụ đá cắm phân định ranh giới đất có từ năm 2012 và nay vẫn còn nguyên; ranh đất giữa hai bên có 01 con mương ngang khoảng 1,5m, trụ đá không nằm giữa mương mà nằm về một bên con mương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông H1 giao lại cho bà L 0,5m đất của con mương; căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo; sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng.

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị L, anh Huỳnh Bé B, chị Huỳnh Thị Tường V và chị Huỳnh Thị Tường H2 nộp trong thời hạn luật định, được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn, bà Trần Thị L và bị đơn ông Phạm Quốc H1 tranh chấp quyền sử dụng đất là con mương có diện tích 87,8m² tọa lạc ấp 8, xã An Xuyên, thành phố Cà Mau.

Theo bà L trình bày, bà L và ông Trần Văn X (anh bà L) được cha mẹ tặng cho mỗi người một phần đất 798,2m² (mỗi phần đất có chiều ngang 30,70m); năm 2012, ông X sang bán phần đất của ông X cho ông Phạm Quốc H1; năm 2023, ông H1 đưa cầu múc vét con mương giáp ranh đất của bà nên bị sạt lở, hiện ra trụ đá là ranh chung giữa hai bên, lúc này bà phát hiện ông H1 lấn đất của bà.

Về phía ông H1 trình bày, ông A (cha ông H1) nhận sang nhượng đất từ ông X 07 công, ông A cho hai người con là bà N1 và cho ông H1, ông H1 và vợ Trần Thị P được cấp Giấy chứng nhận ngày 20/3/2012 diện tích 4509m²; từ thời điểm nhận đất năm 2012, ông H1 cắm hai trụ đá phân định ranh giới, lúc cắm trụ thì bà L không chứng kiến, sau đó bà L biết nhưng không có ý kiến; đến năm 2023, bà L khởi kiện cho rằng ông H1 lấn đất và yêu cầu trả lại 87,8m², ông H1 không đồng ý vì không lấn đất của bà L.

Hồ sơ thể hiện phần đất 87,8m² là con mương, tại cấp sơ thẩm đo đạc thực tế chiều ngang mặt tiền 2,49m (M5M6) (thực tế lòng con mương ngang khoảng 1,5m); tại cấp phúc thẩm đo đạc thực tế ngang mặt tiền 2,05m (M12M13). Qua xem xét toàn diện chứng cứ, đối chiếu với kết quả đo đạc tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm thì tổng diện tích đất đang sử dụng của bà L và ông H1 đều thừa so với Giấy chứng nhận. Theo như Giấy chứng nhận của bà L và ông H1 (có cả đất của bà N1 em ông H1) thì mỗi bên có chiều ngang 30,70m, nhưng qua đo đạc thì chiều ngang của mỗi bên không đúng với Giấy chứng nhận là do mỗi bên đương sự tự xác định vị trí để Công ty thực hiện việc đo đạc.

Qua thẩm định, có 02 trụ đá do ông H1 cùng ông Hạ cắm từ khi gia đình ông H1 nhận sang nhượng vào năm 2012; theo như bà L trình bày ông H1 tự cắm trụ đá bà không biết, việc ông H1 được cấp Giấy chứng nhận bà L cũng không biết, bà L không ký giáp ranh. Ông H1 xác nhận khi cắm 02 trụ đá không có bà L chứng kiến; như vậy, ông H1 cho rằng 02 trụ đá là phân định ranh giới giữa đất bà L và đất ông H1 là chưa có cơ sở vững chắc. Về phía bà L, năm 2023 khi ông H1 đưa cầu múc con mương thì xuất hiện cây trụ đá đã bị lấp đất, theo bà trụ đá này mới

phân định ranh giới chứ không phải hai cây trụ đá ông H1 cắm năm 2012; tại đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2023, bà L xác nhận ông H1 lấn đất 0,60m; tại đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2023 bà L xác nhận ông H1 lấn 1,15m; qua kết quả đo đạc tại cấp sơ thẩm bà L xác định ông H1 lấn 2,49m.

Tại cấp sơ thẩm, đo đạc thực tế chiều ngang đất ông H1 lớn hơn chiều ngang trong Giấy chứng nhận 2,49m, theo như ông H1 trình bày do bà L dời trụ đá giữa đất bà L và đất ông Hạ (anh ruột bà L) về bên phía đất bà L, cho nên từ đất bà L đo qua con mương tranh chấp thì đất bà L thiếu, nhưng ông H1 không chứng minh được cho lời trình bày của mình; tuy là đo đạc thì phân đất của ông H1 thừa chiều ngang, nhưng cũng không thể cho rằng ông H1 lấn toàn bộ đất con mương ngang 2,49m.

Tại cấp phúc thẩm, Tòa án xem xét tại chỗ, thể hiện: hai trụ đá cắm giáp con kênh về phía đất bà L do ông H1 tự cắm không được bà L thừa nhận, cho nên không có cơ sở xác định là ranh đất; tuy nhiên, giáp với con kênh, bên phần đất của bà L và bên phần đất của ông H1 thì mỗi bên đều trồng một hàng dừa thẳng từ tiền đến hậu đất của con mương; từ đó có thể xác định lời trình của bà L ở phiên tòa sơ thẩm và tại biên bản hòa giải ngày 06/6/2023 của UBND xã, bà L cho rằng mỗi người nửa con mương là có cơ sở, điều này cũng phù hợp với tập quán ở địa phương là con mương dùng để lấy nước phục vụ chung trong sản xuất của hai chủ đất liền kề; xét thấy giao mỗi đương sự có quyền sử dụng đối với $\frac{1}{2}$ con mương là phù hợp.

Buộc ông H1, bà P giao trả cho bà L diện tích đất con mương 43,7m² (điểm M5M5'M16'M15) thể hiện ở bản Trích đo hiện trạng ngày 26/02/2024 của Công ty TNHH Phát triển xanh Việt Nam.

[3] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị L; của Huỳnh Bé B, Huỳnh Thị Tường V và Huỳnh Thị Tường H2; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị L được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, nên chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm bà L và ông H1 mỗi người chịu 50%.

- Chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm, bà L đã nộp đủ 10.578.000 đồng, ông H1 trả lại cho bà L 5.289.000 đồng.

- Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm, bà L đã nộp đủ 9.098.000 đồng, ông H1 trả lại cho bà L 4.549.000 đồng.

Tổng số tiền ông H1 trả lại cho bà L 9.838.000 đồng. Chậm trả phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm đương sự chịu theo quy định pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa được chấp nhận một phần.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị L và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Bé B, chị Huỳnh Thị Tường V và chị Huỳnh Thị Tường H2; sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Quốc H1 trả lại cho nguyên đơn phần đất.

Buộc ông Phạm Quốc H1, bà Trần Thị P giao trả cho bà Trần Thị L diện tích đất con mương theo đo đạc thực tế là 43,7m² (điền M5M5'M16'M15), thể hiện tại các cạnh: ngang mặt tiền M5M5' là 1.24m; chiều ngang hậu M15M16' là 1.54m; cạnh chiều dài M5M15 là 31.90m; cạnh chiều dài M5'M16' là 32.29m.

(Kèm theo bản Trích đo hiện trạng ngày 26/02/2024 của Công ty TNHH Phát triển xanh Việt Nam).

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với bà Phạm Ngọc N1.

3. Chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm bà Trần Thị L đã nộp đủ, ông Phạm Quốc H1, bà Trần Thị P có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà L 9.838.000 đồng.

Trường hợp ông H1 bà P chậm thanh toán phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 02/10/2023, bà L nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0008323 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu án phí.

- Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị L, anh Huỳnh Bé B, chị Huỳnh Tường Thị Vi và chị Huỳnh Thị Tường H2 không phải chịu án phí phúc thẩm. Các đương sự mỗi người đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau; bà L nộp tại Biên lai thu số 0008800; anh B tại Biên lai thu số 0008797; chị V tại Biên lai số 0008798; chị H2 tại Biên lai thu số 0008799. Bà

Trần Thị L, anh Huỳnh Bé B, chị Huỳnh Thị Tường V, chị Huỳnh Thị Tường H2 mỗi người được nhận lại 300.000 đồng.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTC)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiền

